

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-41
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-41

M.S.D.N. C

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 03 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Thái Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Nguyễn Văn Thành	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Ngô Tuấn Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Nguyễn Công Tuấn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Mai Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Nghi hưu từ ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2019
Ông Nguyễn Quang Hà	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Minh Tuấn	Trưởng ban	
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2019
Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Hoàng Đức Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019
Ông Trần Đình Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

35 -
TY
HÙNG
KIỂM
AS
KIỂM

Số: 290719.014 /BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được lập ngày 20 tháng 07 năm 2019, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	Đã điều chỉnh VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		412.087.015.846	436.020.637.363
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	78.876.793.933	36.380.391.078
111	1. Tiền		45.876.793.933	28.380.391.078
112	2. Các khoản tương đương tiền		33.000.000.000	8.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		116.813.827.548	108.441.207.014
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	112.405.699.100	102.083.205.621
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.552.597.280	7.275.689.919
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.845.024.701	4.784.961.647
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.989.493.533)	(5.702.650.173)
140	IV. Hàng tồn kho	9	211.425.591.230	278.192.742.905
141	1. Hàng tồn kho		211.425.591.230	278.192.742.905
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.970.803.135	13.006.296.366
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		3.020.002.979	11.598.351.541
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.950.800.156	1.407.944.825
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		399.186.693.731	410.553.585.619
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	679.176.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	679.176.000
220	II. Tài sản cố định		87.824.130.302	92.633.553.627
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	64.130.755.444	64.692.701.440
222	- Nguyên giá		617.444.804.834	608.404.453.679
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(553.314.049.390)	(543.711.752.239)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	20.077.651.836	24.325.129.165
225	- Nguyên giá		45.725.873.118	47.277.597.367
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.648.221.282)	(22.952.468.202)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	3.615.723.022	3.615.723.022
228	- Nguyên giá		3.615.723.022	3.615.723.022
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.681.153.225	7.048.303.316
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.681.153.225	7.048.303.316
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	134.274.329.688	135.469.190.854
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		130.000.000.000	130.000.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.444.062.358	8.444.062.358
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.169.732.670)	(2.974.871.504)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		170.407.080.516	174.723.361.822
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	170.407.080.516	174.723.361.822
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		811.273.709.577	846.574.222.982

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	Đã điều chỉnh VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		457.424.506.636	505.741.057.466
310	I. Nợ ngắn hạn		172.671.726.982	219.298.975.859
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	48.397.365.028	61.775.248.843
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	7.159.589.499	8.811.898.552
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.749.433.276	924.659.161
314	4. Phải trả người lao động		10.394.262.337	11.733.831.114
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	10.425.832.074	428.790.040
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.923.478.777	2.165.186.487
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	88.952.085.796	128.091.871.467
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.669.680.195	5.367.490.195
330	II. Nợ dài hạn		284.752.779.654	286.442.081.607
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	143.500.000.000	143.500.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	135.252.779.654	136.942.081.607
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		6.000.000.000	6.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		353.849.202.941	340.833.165.516
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	353.849.202.941	340.983.165.516
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		280.657.650.000	280.657.650.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		280.657.650.000	280.657.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.605	3.605
415	3. Cổ phiếu quỹ		(23.970.000)	(23.970.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		53.303.023.866	49.692.625.661
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.912.495.470	10.656.856.250
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.856.338.045	7.041.205.967
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		14.056.157.425	3.615.650.283
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	(150.000.000)
431	1. Nguồn kinh phí		-	(150.000.000)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		811.273.709.577	846.574.222.982



Lê Lan Phương
Người lập



Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	477.821.698.577	460.620.799.392
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	1.093.418.624	1.083.616.753
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		476.728.279.953	459.537.182.639
11	4. Giá vốn hàng bán	25	396.321.455.355	379.194.941.125
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.406.824.598	80.342.241.514
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	474.488.451	539.209.637
22	7. Chi phí tài chính	27	6.132.426.180	6.513.487.707
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		3.411.335.682	4.536.086.750
25	8. Chi phí bán hàng	28	23.574.144.838	25.547.008.151
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	33.938.346.938	34.261.864.086
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.236.395.093	14.559.091.207
31	11. Thu nhập khác	30	429.403.888	454.573.797
32	12. Chi phí khác	31	63.102.200	36.214.360
40	13. Lợi nhuận khác		366.301.688	418.359.437
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.602.696.781	14.977.450.644
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	3.520.539.356	2.995.490.129
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.082.157.425</u>	<u>11.981.960.515</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	502	427


Bùi Thị Nga
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởngNguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.602.696.781	14.977.450.644
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12.298.050.231	11.512.604.203
03	- Các khoản dự phòng		(518.295.474)	1.654.595.345
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		32.848.350	158.943.371
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(335.306.496)	(461.678.569)
06	- Chi phí lãi vay		3.411.335.682	4.536.086.750
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.491.329.074	32.378.001.744
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.118.997.119	(33.552.345.009)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		66.767.151.675	(34.555.360.744)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.510.095.218)	15.511.111.124
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		4.316.281.306	(605.659.200)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.497.235.682)	(4.556.886.750)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(2.721.841.537)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		150.000.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.841.763.916)	(5.125.180.516)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		86.994.664.358	(33.228.160.888)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.871.179.542)	(2.075.141.407)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		271.514.714	455.219.710
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.599.664.828)	(1.619.921.697)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		142.102.851.759	167.242.724.468
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(178.567.662.001)	(136.238.752.533)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(4.378.324.156)	(4.958.631.069)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44.912.315)	(219.974.043)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(40.888.046.713)	25.825.366.823

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		42.506.952.817	(9.022.715.762)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		36.380.391.078	42.696.397.937
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.549.962)	597.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>78.876.793.933</u>	<u>33.674.279.973</u>



Lê Lan Phương
Người lập



Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 03 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 280.657.650.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 280.657.650.000 đồng; tương đương 28.065.765 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí khuyến mại... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	213.667.289	522.890.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.663.126.644	27.857.500.363
Các khoản tương đương tiền	33.000.000.000	8.000.000.000
	<u><u>78.876.793.933</u></u>	<u><u>36.380.391.078</u></u>

Tại ngày ngày 30 tháng 06 năm 2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 33 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa với lãi suất 4,3%/năm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa với lãi suất 5,2%/năm.

011
CÔN
H NH
G KI
AA
KIẾ

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	130.000.000.000	-	130.000.000.000	-
- Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn ⁽¹⁾	130.000.000.000	-	130.000.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	8.444.062.358	(4.169.732.670)	8.444.062.358	(2.974.871.504)
- Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam ⁽²⁾	8.444.062.358	(4.169.732.670)	8.444.062.358	(2.974.871.504)
	138.444.062.358	(4.169.732.670)	138.444.062.358	(2.974.871.504)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sở hữu 26% tỷ lệ lợi ích và 26% tỷ lệ biểu quyết tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Hà Nội. Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia sẽ góp vốn thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàng Sơn" tại 231 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội. Tới thời điểm 30/06/2019, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn là 500 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng góp 26% vốn điều lệ tương đương với 130 tỷ đồng. Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 06 năm 2018, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(2) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sở hữu 7% tỷ lệ lợi ích và 7% tỷ lệ biểu quyết tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam - Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất than cốc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty đang thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2018 đến ngày 31/03/2019 của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Theo Nghị quyết số 61/NQ-DHĐCD ngày 26/04/2016 của Đại hội đồng thường niên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng năm 2016, Công ty dự định thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các công việc liên quan để thoái toàn bộ khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	15.818.290.381	(1.041.438.787)	17.125.042.710	(3.216.263.813)
- Công ty TNHH Sao Mai Anh	27.956.303.175	-	24.094.059.969	-
- Công ty TNHH MTV Công Danh Tu	3.825.286.864	-	2.931.086.186	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyệt	7.224.926.863	-	6.115.287.769	-
- Phải thu khách hàng khác	57.580.891.817	(2.948.054.746)	51.817.728.987	(2.486.386.360)
	112.405.699.100	(3.989.493.533)	102.083.205.621	(5.702.650.173)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	2.090.810.802	-	1.104.627.032	-

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)***6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Hạ tầng P&P	-	-	3.401.257.000	-
- Phillip Carbon Black LTD	1.082.746.500	-	2.536.712.640	-
- Công ty Lữ hành HANOITOURIST	393.706.800	-	10.500	-
- Công ty TNHH Vận tải và du lịch Phương Thảo	358.500.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	717.643.980	-	1.337.709.779	-
	2.552.597.280	-	7.275.689.919	-

C.T.P.
AN
AN
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	86.410.960	-	22.619.178	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.854.935	-	2.174.200	-
- Tạm ứng	886.947.724	-	4.660.424	-
- Ký cược, ký quỹ	957.429.919	-	947.985.852	-
- Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	2.966.978.675	-	2.966.978.675	-
- Phải thu tiền điện, nước các đối tượng thuê mặt bằng	361.196.963	-	135.590.120	-
- Phải thu về bảo hiểm lao động	529.681.271	-	539.138.191	-
- Phải thu khác	52.524.254	-	165.815.007	-
	5.845.024.701	-	4.784.961.647	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	679.176.000	-
	-	-	679.176.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

8 . NỢ XẤU

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ phần ôtô An Thái CONECO-Thái Bình	686.000.000	686.000.000	686.000.000	686.000.000
- Nguyễn Thị Hương	1.028.476.682	1.028.476.682	815.845.431	815.845.431
- Công ty CP ô tô TMT chi nhánh Hưng Yên	1.041.438.787	1.041.438.787	3.216.263.813	3.216.263.813
- Công ty TNHH Phú Cường	332.429.790	332.429.790	237.449.850	237.449.850
- Các khoản khác	901.148.274	555.471.851	747.091.079	401.414.656
	3.989.493.533	3.643.817.110	5.702.650.173	5.356.973.750

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của khoản nợ xấu căn cứ trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về số nợ có thể thu hồi trong tương lai.

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	101.752.488.187	-	134.507.780.934	-
Công cụ, dụng cụ	4.007.680.950	-	4.181.796.176	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.118.479.064	-	5.241.828.809	-
Thành phẩm	97.223.719.910	-	133.528.520.158	-
Hàng hoá	323.223.119	-	141.907.738	-
Hàng gửi đi bán	-	-	590.909.090	-
	211.425.591.230	-	278.192.742.905	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.079.503.307	6.496.353.398
- Dự án di dời và sản xuất lốp radial ⁽¹⁾	6.079.503.307	6.079.503.307
- Xây dựng nhà kho Chi nhánh Thái Bình	-	416.850.091
Mua sắm tài sản cố định	551.949.918	551.949.918
- Máy luyện kín 270 lít XNLXH	551.949.918	551.949.918
Sửa chữa lớn tài sản cố định	49.700.000	-
- Trùng tu máy thành hình lốp xe máy	49.700.000	-
	6.681.153.225	7.048.303.316

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tính đến thời điểm 30/06/2019, dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công Thương phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	105.406.321.681	461.460.120.164	40.522.800.038	1.015.211.796	608.404.453.679
- Mua trong kỳ	-	9.000.000	610.129.747	-	619.129.747
- Mua lại Tài sản cố định thuê tài chính	-	1.551.724.249	-	-	1.551.724.249
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.869.497.159	-	-	-	6.869.497.159
Số dư cuối kỳ	112.275.818.840	463.020.844.413	41.132.929.785	1.015.211.796	617.444.804.834
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	87.860.979.859	420.841.851.151	34.098.309.315	910.611.914	543.711.752.239
- Khấu hao trong kỳ	1.310.279.739	6.212.879.364	899.756.644	52.299.944	8.475.215.691
- Mua lại Tài sản cố định thuê tài chính	-	1.127.081.460	-	-	1.127.081.460
Số dư cuối kỳ	89.171.259.598	428.181.811.975	34.998.065.959	962.911.858	553.314.049.390
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	17.545.341.822	40.618.269.013	6.424.490.723	104.599.882	64.692.701.440
Tại ngày cuối kỳ	23.104.559.242	34.839.032.438	6.134.863.826	52.299.938	64.130.755.444

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.312.298.157 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 454.865.490.528 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u>
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	47.277.597.367
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	<u>(1.551.724.249)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>45.725.873.118</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	22.952.468.202
- Trích khấu hao	3.822.834.540
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	<u>(1.127.081.460)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>25.648.221.282</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>24.325.129.165</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>20.077.651.836</u>

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Giá trị quyền sử dụng đất (*)</u>
	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.615.723.022
Số dư cuối kỳ	<u>3.615.723.022</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	<u>3.615.723.022</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>3.615.723.022</u>

(*) Tài sản cố định vô hình là giá trị của các lô đất có quyền sử dụng đất không thời hạn của Công ty.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	8.394.406.507	10.660.610.915
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam để thực hiện dự án (*)	161.319.532.920	162.745.836.570
Chi phí trả trước dài hạn khác	693.141.089	1.316.914.337
	<u>170.407.080.516</u>	<u>174.723.361.822</u>

(*) Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD-HVPID ngày 18/07/2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, khu công nghiệp Châu Sơn - thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Thông tin chi tiết về mục đích thuê đất để phục vụ dự án được nêu tại thuyết minh số 36.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	7.457.089.800	7.457.089.800	8.457.618.100	8.457.618.100
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	8.336.551.272	8.336.551.272	15.220.044.149	15.220.044.149
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	5.294.160.000	5.294.160.000	1.133.535.000	1.133.535.000
Công ty TNHH Thương mại Trường Sinh	-	-	3.792.700.000	3.792.700.000
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	5.391.750.000	5.391.750.000	4.600.500.000	4.600.500.000
Phải trả các đối tượng khác	21.917.813.956	21.917.813.956	28.570.851.594	28.570.851.594
	48.397.365.028	48.397.365.028	61.775.248.843	61.775.248.843

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
IRSHAD TAHIR CO,LDT-Afghanistan	1.001.905.881	3.563.877.501
XK GESTALT-INVESTIMENTOS, LDA	1.015.387.253	693.468.622
Xk Abu Bader Trading Company	1.468.655.209	854.608.404
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.673.641.156	3.699.944.025
	7.159.589.499	8.811.898.552

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		563.127.073		11.811.995.968		11.766.427.000		-		608.696.041	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		182.689.355		182.689.355		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.407.944.825		-		3.520.539.356		-		-		2.112.594.531	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		361.532.088		169.720.402		509.037.786		-		22.214.704	
Thuế Tài nguyên	-		-		35.568.000		29.640.000		-		5.928.000	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		8.028.096.619		9.978.896.775		1.950.800.156		-	
Thuế Môn bài	-		-		5.000.000		5.000.000		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		7.084.577		7.084.577		-		-	
	1.407.944.825		924.659.161		23.760.694.277		22.478.775.493		1.950.800.156		2.749.433.276	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	87.600.000	173.500.000
- Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	7.509.746.617	-
- Trích trước chi phí com công nghiệp	716.736.707	255.290.040
- Trích trước chi phí vận chuyển	1.097.088.250	-
- Trích trước chi phí tổ chức hội nghị khách hàng	656.160.500	-
- Trích trước chi phí tổ chức nghỉ mát CBCNV	358.500.000	-
	10.425.832.074	428.790.040

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	278.201.820	446.870.040
- Bảo hiểm xã hội	325.580	325.580
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	205.067.200	468.833.688
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	837.379.973	882.292.288
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	602.504.204	366.864.891
	1.923.478.777	2.165.186.487
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	143.500.000.000	143.500.000.000
	143.500.000.000	143.500.000.000

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng di dời Nhà máy về Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam với số tiền 435 tỷ đồng chưa bao gồm các loại thuế, chia thành 4 lần chuyển tiền và được thực hiện trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018. Tính đến thời điểm 30/06/2019, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn đã chuyển 02 đợt cho Công ty với số tiền tương ứng là 143.500.000.000 đồng.

Hiện nay, do việc phải triển khai hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đang thiếu theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai và quy định về di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Công ty đã đề nghị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn ký phụ lục giãn tiến độ thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Theo phụ lục hợp đồng số 03-18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 02 tháng 07 năm 2018, việc chuyển tiền hỗ trợ đợt 3 với số tiền 150.000.000.000 đồng sẽ được thực hiện đồng thời khi Công ty hoàn thiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và di dời Nhà máy theo quy định của pháp luật, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sau khi Công ty đã bàn giao cho Công ty dự án một phần khu đất có diện tích khoảng từ 3ha đến 4 ha. Thời gian chuyển tiền sẽ đồng thời với thời gian bàn giao mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Đã điều chỉnh		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ				
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	112.231.961.699	112.231.961.699	142.187.285.170	175.061.032.464	79.358.214.405	79.358.214.405
- Vay Ngân hàng ⁽¹⁾	109.494.861.440	109.494.861.440	141.972.702.650	174.826.822.729	76.640.741.361	76.640.741.361
- Vay Cá nhân ⁽²⁾	2.737.100.259	2.737.100.259	214.582.520	234.209.735	2.717.473.044	2.717.473.044
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	15.859.909.768	15.859.909.768	1.749.893.953	8.015.932.330	9.593.871.391	9.593.871.391
- Vay ngân hàng ⁽³⁾	7.275.216.348	7.275.216.348	1.223.541.734	3.637.608.174	4.861.149.908	4.861.149.908
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả ⁽⁴⁾	8.584.693.420	8.584.693.420	526.352.219	4.378.324.156	4.732.721.483	4.732.721.483
	128.091.871.467	128.091.871.467	143.937.179.123	183.076.964.794	88.952.085.796	88.952.085.796
b) Vay dài hạn						
- Vay ngân hàng ⁽³⁾	13.066.583.559	13.066.583.559	-	3.637.608.174	9.428.975.385	9.428.975.385
- Nợ thuế tài chính dài hạn ⁽⁴⁾	9.735.407.816	9.735.407.816	60.592.000	4.378.324.156	5.417.675.660	5.417.675.660
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn ⁽⁵⁾	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	152.801.991.375	152.801.991.375	60.592.000	8.015.932.330	144.846.651.045	144.846.651.045
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(15.859.909.768)	(15.859.909.768)	(1.749.893.953)	(8.015.932.330)	(9.593.871.391)	(9.593.871.391)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	136.942.081.607	136.942.081.607			135.252.779.654	135.252.779.654



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2019-HĐCVHM/NHCT126-CSSV ngày 07/01/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng với loại tiền vay là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su;
- + Thời hạn cho vay: Được ghi trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 518.971,34 USD (tương đương 12.130.955.073 đồng) và 41.988.999.493 đồng.
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 11/2019-HĐCVHM/NHCT260-SRC ngày 14/01/2019 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẫm, lốp và các sản phẩm từ cao su;
- + Thời hạn cho vay: Không vượt quá 6 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 16.329.459.000 đồng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

Hợp đồng tín dụng số 02/2018/135074/HĐTD ngày 12/10/2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
- + Thời hạn cho vay: theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
- + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 264.983 USD (tương đương 6.191.327.795 đồng);
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp được quy định chi tiết tại các Hợp đồng thế chấp cụ thể.

(2) Khoản tiền vay của các cá nhân với thời gian dưới 12 tháng, lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

(3) Bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 119-2016/HĐTD/NHCT126 ngày 24 tháng 08 năm 2016 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30,5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch đầu tư năm 2016-2017;
- + Thời hạn cho vay: 40 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
- + Lãi suất cho vay: Căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 3.379.693.028 đồng, số nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 3.379.693.016 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay.

Hợp đồng tín dụng số 09/2018-HĐCVDADT/NHCT126-SRC ngày 01 tháng 07 năm 2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 40,544 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí hợp pháp, hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch đầu tư năm 2017-2018;
- + Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu;
- + Lãi suất cho vay: Căn cứ theo từng giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 6.049.282.357 đồng, số nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 1.481.456.892 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Được quy định cụ thể tại các hợp đồng bảo đảm ký kết giữa bên cho vay và bên vay.

(4) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn bao gồm các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với các thông tin như sau:

- + Số tiền cho thuê: 5.417.675.660 đồng;
- + Mục đích vay: Sử dụng tài sản thuê phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 48 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 5.417.675.660 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tiếp theo là 4.732.721.483 đồng;

(5) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn được sử dụng để góp vốn điều lệ tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn, thời hạn vay được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn, lãi suất vay 0%/năm, hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp, số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2019 là 130.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 66/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm trước	7.041.205.967
Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2018	12.202.660.683
Chi thù lao cho Hội đồng quản trị	168.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%)	3.610.398.205
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	107.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (9%)	1.083.120.000
Chi trả cổ tức (bằng 3% vốn điều lệ) (*)	8.419.010.400
Lợi nhuận chưa phân phối	5.856.338.045

(*) Công ty đã tạm chia số cổ tức này trong năm 2018 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 158/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2018 và thông báo chốt quyền chia cổ tức ngày 27 tháng 11 năm 2018.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	36,00%	101.039.400.000	51,00%	143.139.150.000
Nguyễn Tiến Ngọc	8,42%	23.638.400.000	5,01%	14.057.800.000
Các cổ đông khác	55,57%	155.955.880.000	43,98%	123.436.730.000
Cổ phiếu quỹ	0,01%	23.970.000	0,01%	23.970.000
	100%	280.657.650.000	100%	280.657.650.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	280.657.650.000	280.657.650.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	280.657.650.000	280.657.650.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	280.657.650.000	280.657.650.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	882.292.288	1.021.878.251
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	-	5.612.673.600
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	5.612.673.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(44.912.315)	(219.974.043)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(44.912.315)	(219.974.043)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	837.379.973	6.414.577.808

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

d) Cổ phiếu

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.065.765	28.065.765
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	2.397	2.397
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.397	2.397
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.063.368	28.063.368
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	53.303.023.866	49.692.625.661
	<u>53.303.023.866</u>	<u>49.692.625.661</u>

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 183/HĐTĐ ngày 21 tháng 07 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội với diện tích 62.438 m² tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình và Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với mục đích sử dụng đất làm trụ sở Công ty, cửa hàng kinh doanh, dịch vụ. Thời hạn thuê đất từ ngày 24 tháng 10 năm 2005 đến ngày 24 tháng 10 năm 2055 với phương thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 17/HĐTĐ-HVPID ngày 18/07/2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam để thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn - Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam. Tổng số tiền thuê đất là 173 tỷ, thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	508.971,43	97.911,45

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
	6.603.243.147	6.603.243.147

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	471.822.666.845	455.110.309.650
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.134.338.092	4.676.508.502
Doanh thu bán vật tư	864.693.640	833.981.240
	477.821.698.577	460.620.799.392
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)</i>	2.843.027.770	3.035.252.000

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.093.418.624	1.083.616.753
	1.093.418.624	1.083.616.753

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	395.850.344.994	378.464.328.120
Giá vốn của vật tư đã bán	471.110.361	730.613.005
	396.321.455.355	379.194.941.125

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	335.306.496	161.678.569
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	139.181.955	77.531.068
Lợi nhuận phân chia trước thuế từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	300.000.000
	474.488.451	539.209.637

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.411.335.682	4.536.086.750
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.464.751.000	1.519.831.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	28.629.982	49.964.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	32.848.350	158.943.371
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.194.861.166	248.662.580
	6.132.426.180	6.513.487.707

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.392.960.357	2.260.164.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.029.438	108.464.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.526.978.764	9.607.933.027
Chi phí quảng cáo	1.833.886.598	3.918.069.784
Chi phí chiết khấu thương mại	8.740.352.617	8.525.704.000
Chi phí bán hàng khác	970.937.064	1.126.672.776
	23.574.144.838	25.547.008.151

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.654.259.416	15.254.965.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.076.853.159	863.315.143
Thuế, phí, lệ phí	8.693.740.625	8.208.079.264
Hoàn nhập dự phòng	(2.328.935.028)	-
Chi phí dự phòng	615.778.388	1.405.932.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.156.715.157	5.730.461.499
Chi phí khác bằng tiền	4.069.935.221	2.799.109.476
	33.938.346.938	34.261.864.086

30 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ xử lý kiểm kê	12.293.747	54.056.606
Thu nhập khác	417.110.141	400.517.191
	429.403.888	454.573.797

31 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ thu gom phế liệu và các khoản khác	63.102.200	36.214.360
	63.102.200	36.214.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.602.696.781	14.977.450.644
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.602.696.781	14.977.450.644
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	3.520.539.356	2.995.490.129
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.407.944.825)	1.484.720.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(2.721.841.537)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.112.594.531	1.758.369.548

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.082.157.425	11.981.960.515
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	14.082.157.425	11.981.960.515
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	502	427

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	282.394.835.016	325.391.503.490
Chi phí nhân công	57.568.076.265	55.751.603.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.298.050.231	11.512.604.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.282.451.351	17.374.470.989
Chi phí khác bằng tiền	45.363.678.388	45.388.215.884
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	417.907.091.251	455.418.398.248

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.876.793.933	-	36.380.391.078	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	118.250.723.801	(3.989.493.533)	107.547.343.268	(5.702.650.173)
	197.127.517.734	(3.989.493.533)	143.927.734.346	(5.702.650.173)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			224.204.865.450	265.033.953.074
Phải trả người bán, phải trả khác			193.820.843.805	207.440.435.330
Chi phí phải trả			10.425.832.074	428.790.040
			428.451.541.329	472.903.178.444

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.876.793.933	-	-	78.876.793.933
Phải thu khách hàng, phải thu khác	114.261.230.268	-	-	114.261.230.268
	<u>193.138.024.201</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>193.138.024.201</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.380.391.078	-	-	36.380.391.078
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.165.517.095	679.176.000	-	101.844.693.095
	<u>137.545.908.173</u>	<u>679.176.000</u>	<u>-</u>	<u>138.225.084.173</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2019				
Vay và nợ	88.952.085.796	135.252.779.654	-	224.204.865.450
Phải trả người bán, phải trả khác	50.320.843.805	143.500.000.000	-	193.820.843.805
Chi phí phải trả	10.425.832.074	-	-	10.425.832.074
	<u>149.698.761.675</u>	<u>278.752.779.654</u>	<u>-</u>	<u>428.451.541.329</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	128.091.871.467	136.942.081.607	-	265.033.953.074
Phải trả người bán, phải trả khác	63.940.435.330	143.500.000.000	-	207.440.435.330
Chi phí phải trả	428.790.040	-	-	428.790.040
	<u>192.461.096.837</u>	<u>280.442.081.607</u>	<u>-</u>	<u>472.903.178.444</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . THÔNG TIN KHÁC

(1) Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15/06/2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoàn Sơn". Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn được thành lập và chịu trách nhiệm triển khai dự án. Tính đến thời điểm 30/06/2019, dự án vẫn đang tiếp tục thực hiện ở giai đoạn 1 là hoàn thành thủ tục pháp lý.

Hiện nay, do việc triển khai hoàn thiện các thủ tục hồ sơ đang thiếu theo quy định của pháp luật về quản lý đất đai và quy định về di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành gửi công văn số 448/CV-TCKT ngày 19/03/2018 đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn đề nghị ký phụ lục giãn tiến độ thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý nêu trên và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài ra, thực hiện theo các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước, Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch thoái hết phần vốn góp tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn phù hợp quá trình triển khai Hợp đồng hợp tác đầu tư trên cơ sở theo đúng các quy định của Pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0186551460 ngày 13/07/2016 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp cho Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng sẽ thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam. Tới thời điểm 30/06/2019, Dự án mới phát sinh các chi phí lập hồ sơ thiết kế, đề án tính khả thi để trình Bộ Công thương phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty là sản xuất và bán các loại sản phẩm từ cao su do Công ty tự sản xuất. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Theo khu vực địa lý

	<u>Trong nước</u>	<u>Nước ngoài</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	388.987.095.151	87.741.184.802	476.728.279.953
Tài sản không phân bổ	-	-	811.273.709.577
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	7.071.776.815

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>06 tháng đầu năm 2019</u>	<u>06 tháng đầu năm 2018</u>
		VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.843.027.770	3.035.252.000
Công ty CP SUPE Phốt phát và Hoá Chất Lâm Thao	Cùng tập đoàn	798.710.000	1.022.230.000
Công ty TNHH Một Thành Viên APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	204.226.000	1.185.250.000
Công ty CP Phân lân Ninh Bình	Cùng tập đoàn	198.000.000	297.000.000
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	76.133.200	-
Công ty CP Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	1.565.958.570	530.772.000
Mua hàng hoá và dịch vụ		-	441.638.910
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cùng tập đoàn	-	65.560.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất	Cùng tập đoàn	-	281.078.910
Trường Cao Đẳng Công nghiệp hóa chất	Cùng tập đoàn	-	95.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNGSố 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu khách hàng		2.090.810.802	1.104.627.032
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	Cùng tập đoàn	209.400.000	7.000.000
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	Cùng tập đoàn	288.599.032	288.599.032
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	Cùng tập đoàn	1.264.131.770	299.838.000
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	Cùng tập đoàn	-	238.040.000
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao	Cùng tập đoàn	328.680.000	271.150.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2019	2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	217.500.000	192.110.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	604.292.529	724.460.949

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ			
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	128.091.871.467	129.139.398.743
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	136.942.081.607	135.894.554.331


Lê Lan Phương
Người lập

Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởngNguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2019